

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 278/TTr-SNN&PTNT ngày 09/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND), với các nội dung chính sau:

1. Giải thích từ ngữ

a) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại Quyết định này gồm: (i) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; (ii) hỗ trợ phát triển sản

xuất cộng đồng; (iii) hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; (iv) các nội dung hỗ trợ khác.

b) Vùng nguyên liệu tập trung là vùng sản xuất tập trung một hay một nhóm sản phẩm nông nghiệp cùng loại có quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của mỗi địa phương, tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c) Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, tổ chức đại diện nông dân để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Đối tượng liên kết là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, tổ chức đại diện nông dân.

đ) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được UBND cấp xã chứng thực; tổ khuyến nông cộng đồng do UBND cấp xã công nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (trong đó tỷ lệ hộ không nghèo tham gia nhóm hộ, tổ, nhóm hợp tác tối đa là 30%). Người đại diện của cộng đồng dân cư là tổ trưởng, trưởng nhóm do các thành viên cộng đồng bầu ra và phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự để thay mặt cộng đồng dân cư ký kết hợp đồng.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phân chia địa bàn áp dụng: Thực hiện theo Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

4. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

5. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

6. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 6 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Hỗ trợ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số

20/2017/NQ-HĐND 19/7/2017 của HĐND tỉnh và 50.000 đồng/người/buổi đi thực địa (ngoài công tác phí theo chế độ quy định).

- Hỗ trợ tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong tỉnh, ngoài tỉnh: Hỗ trợ tối đa 100%, mức chi công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh; chi thuê xe theo thực tế; chi tiền công cho báo cáo viên theo quy định tại Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh.

- Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 9 theo Điều 5 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

Tổng mức chi phí thực hiện các nội dung hỗ trợ cho một dự án: Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 95% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, không quá 80% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn khó khăn, không quá 60% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các CTMTQG và không quá 3.000 triệu đồng/dự án; phần còn lại do ngân sách địa phương đảm bảo và tham gia đối ứng của đối tượng hưởng lợi

7. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

- a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 7 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

b) Mức hỗ trợ:

- Áp dụng các mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này để xây dựng dự án.

- Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một dự án tối đa 100% nhưng không quá 3.000 triệu đồng (trên tất cả các địa bàn). Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật). Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ/nhận đặt hàng.

8. Nội dung và mức hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất khác: Thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

9. Lập, phân bổ, thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Lập, phân bổ dự toán kinh phí

- Các Sở, ngành có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia và UBND cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí gửi về các Sở, ngành liên quan được giao chủ trì tham mưu các chương trình mục tiêu quốc gia (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Ban Dân tộc) theo thời gian quy định trong lập kế hoạch của từng Chương trình MTQG để tổng hợp, gửi Sở Tài chính để đưa vào dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm theo các quy định hiện hành.

- Nguồn kinh phí: Thực hiện theo Điều 10 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

b) Thanh, quyết toán kinh phí

- Các dự án thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định này từ nguồn kinh phí sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo hình thức hình thành dự án đầu tư nên không thuộc phạm vi điều chỉnh theo điểm b, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn từ các chương trình dự án khác; tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Phương thức thanh toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất được thực hiện qua hợp đồng giữa cơ quan được giao vốn (gọi chung là chủ đầu tư) và đại diện chủ trì liên kết/đại diện cộng đồng dân cư/đại diện đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng/đại diện tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ; căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng quý, từng năm, từng giai đoạn hoặc cả chu kỳ dự án để chi trả theo tiến độ.

Phương thức hỗ trợ (trước đầu tư hoặc sau đầu tư) do chủ đầu tư thỏa thuận với chủ trì liên kết/đại diện cộng đồng dân cư/đại diện đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng/đại diện tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ trong hợp đồng để đảm bảo hiệu quả trong sử dụng vốn, đảm bảo khối lượng theo giai đoạn và tiến độ giải ngân theo quy định, không để thất thoát, lãng phí. Các nội dung hỗ trợ về nhãn hiệu, đăng ký kiểu dáng công nghiệp được thanh toán hỗ trợ khi có văn bản chấp nhận đơn hợp lệ của cấp có thẩm quyền (kể cả các nội dung hỗ trợ nhãn hiệu, đăng ký kiểu dáng công nghiệp của các Nghị quyết liên quan được áp dụng tại khoản 2, Điều 11 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND). Riêng hỗ trợ mua máy móc, thiết bị phục vụ dự án cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại và ngành nghề nông thôn là hỗ trợ sau đầu tư.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng cơ chế, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định tại Quyết định này.

- Các đối tượng được hỗ trợ sau đầu tư, sau khi hoàn thành các nội dung đầu tư, có văn bản đề nghị cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí theo quy định.

Thành phần hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư gồm:

+ Văn bản đề nghị nghiệm thu.

+ Dự án, dự toán kinh phí hỗ trợ được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

+ Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng; các hóa đơn chứng từ cụ thể liên quan đến nội dung được hỗ trợ.

+ Các hồ sơ tài liệu có liên quan đến điều kiện hỗ trợ cho từng nội dung hỗ trợ được quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Quy định số hộ dân tối thiểu tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Liên kết trong trồng trọt: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn, tối thiểu 20 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khác.

Riêng đối với liên kết trồng cây dược liệu: Tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn và địa bàn khác.

- Liên kết trong chăn nuôi: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với tất cả các địa bàn.

- Liên kết trong thủy sản: Tối thiểu 05 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn và địa bàn khác.

- Liên kết trong lâm nghiệp: Tối thiểu 20 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khác.

- Liên kết trong sản xuất nấm: Tối thiểu 05 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với tất cả các địa bàn.

2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hoạt động hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia/01 dự án (tất cả các địa bàn).

3. Hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị làng nghề: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn, tối thiểu 20 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khác.

Khuyến khích các địa phương hỗ trợ các dự án có nhiều hộ dân tham gia cao hơn mức hộ dân tham gia tối thiểu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 nêu trên. Các đối tượng áp dụng tại Quyết định này đã được hỗ trợ tại dự án liên kết theo chuỗi giá trị thì không được hỗ trợ tại dự án phát triển sản xuất cộng đồng, dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, hoạt động phát triển sản xuất khác và ngược lại.

Điều 3. Ủy quyền một số nội dung trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Ủy quyền trong thẩm định, phê duyệt các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Đối với Sở, ngành, đơn vị của tỉnh (được phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia): Ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh: (i) Thành lập Hội đồng và bộ phận giúp việc Hội đồng thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và (ii) thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện trên địa bàn tỉnh (bao gồm dự án trên địa bàn 01 huyện hoặc liên huyện).

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) được phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia: (i) Ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng và bộ phận giúp việc Hội đồng thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và (ii) thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có phạm vi thực hiện trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (bao gồm dự án trên địa bàn liên xã/thị trấn hoặc trên địa bàn 01 xã/thị trấn).

b) Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh (được phân bổ nguồn vốn các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia): (i) thành lập Hội đồng, bộ phận giúp việc Hội đồng thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và (ii) tổ chức thẩm định, phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện trên địa bàn tỉnh (bao gồm dự án trên địa bàn 01 huyện hoặc liên huyện).

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật trong nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện từng vùng trên địa bàn tỉnh (đối với những nội dung chưa được cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật).

3. Ủy quyền Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với những cây trồng, con vật nuôi bản địa, đặc thù của địa phương nhưng chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cấp trên ban hành.

4. Thời gian ủy quyền khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này: Đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 4. Cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan được giao nhiệm vụ để thực hiện hoạt động sản xuất theo nhiệm vụ

1. Cơ quan giao nhiệm vụ: Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện được bố trí kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ quan giao nhiệm vụ quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ

Trung tâm Khuyến nông tỉnh (đối với dự án cấp tỉnh thực hiện);

Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện (đối với dự án cấp huyện thực hiện);

Đơn vị sự nghiệp khác có liên quan.

Điều 5. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

(Chi tiết theo Phụ lục I, trong đó có các mẫu: Mẫu 1, Mẫu 2, Mẫu 3, Mẫu 4, Mẫu 5, Mẫu 6, Mẫu 7, Mẫu 8, Mẫu 9, Mẫu 10, Mẫu số 11).

2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

(Chi tiết theo Phụ lục II, trong đó có các mẫu: Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15).

3. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

(Chi tiết theo Phụ lục III, trong đó có các mẫu: Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18).

4. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác

(Chi tiết theo Phụ lục IV).

Điều 6. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, giúp người dân hiểu rõ mục đích ý nghĩa, nội dung cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án từ khi lập kế hoạch cho đến khâu giám sát thực hiện, đảm bảo công khai dân chủ, quản lý chặt chẽ, có hiệu quả. Xây dựng, ban hành kế hoạch, nội dung tuyên truyền sâu rộng, thiết thực, cụ thể về chính sách, tập trung vào các nội dung: Sự cần thiết, nội dung, mức của chính sách hỗ trợ; tuyên truyền, tham quan các dự án hiệu quả để nhân rộng, qua đó giúp người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nắm bắt kịp thời, đầy đủ thông tin về chính sách để các đối tượng được hỗ trợ tích cực tham gia thực hiện.

2. Quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo điều kiện cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, cơ giới hóa, tưới tiêu khoa học, nhằm thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất khi thực hiện liên kết; rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch vùng huyện, trong đó có nội dung về quy hoạch sản xuất; mở rộng diện tích các cánh đồng lớn, cánh đồng kỹ thuật, cánh đồng có thu nhập cao để triển khai việc liên kết sản xuất gắn với cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc. Vận động, hướng dẫn các hợp tác xã tập trung, tích tụ ruộng đất để liên kết sản xuất với các doanh nghiệp.

3. Thực hiện nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng, xây dựng các dự án cho chính cộng đồng đề xuất để hỗ trợ theo nhu cầu; triển khai mô hình hợp tác liên kết giữa các đối tượng thực hiện dự án với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu

thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

4. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm cho các đối tượng nghèo, cận nghèo giai đoạn 2021-2025, bảo đảm huy động đầy đủ kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định, tăng cường huy động hợp pháp của doanh nghiệp và tham gia đóng góp của người dân, đối tượng hưởng lợi. Chú trọng lồng ghép các nguồn vốn về phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn vốn khuyến nông, khuyến công; vốn đầu tư kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi nhỏ, thủy lợi hóa đất màu; vốn hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết 45/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết 25/2021/NQ-HĐND tỉnh, Nghị quyết 35/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND,... và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Tập trung đào tạo nghề, tập huấn kiến thức kỹ thuật sản xuất, bảo quản, chế biến theo sản phẩm mà người dân đã lựa chọn, hướng họ tham gia vào sản xuất hàng hóa có thu nhập cao để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tăng cường tập huấn kỹ thuật, phổ biến kiến thức cho nông dân tham gia liên kết; chú trọng các quy trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn. Khuyến khích, hỗ trợ theo các quy định hiện hành cho việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến; cải tiến và nâng cao chất lượng đồng bộ để đáp ứng các yêu cầu trong việc liên kết. Xây dựng các dự án khuyến nông, lâm, ngư để chuyển giao trực tiếp các tiến bộ kỹ thuật đến người sản xuất. Đẩy mạnh áp dụng các định mức kinh tế, kỹ thuật cho các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, diêm nghiệp đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành (*các Quyết định số: 724/QĐ-BNN-KHCN ngày 9/3/2020; 663/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/02/2021; 54/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/01/2014; 3438/QĐ-BNN-KTHT ngày 05/9/2019....*); Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành (*Quyết định số 473/QĐ-SNN&PTNT ngày 16/9/2021*) và các văn bản hướng dẫn bổ sung các định mức kinh tế, kỹ thuật có liên quan của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT trong trường hợp triển khai thực hiện các dự án về nông nghiệp chưa có định mức....; đối với các cây trồng, con vật nuôi đặc thù, bản địa chỉ có một số địa phương mới có thì UBND cấp huyện xem xét ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để hỗ trợ cho phù hợp, nhằm duy trì, bảo tồn nguồn giống bản địa.

6. Đẩy mạnh việc kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong việc ký kết hợp đồng có điều kiện ràng buộc, bảo đảm quyền lợi giữa hai bên, nhằm xây dựng mối liên kết sản xuất, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm bền vững. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng liên kết để có giải pháp can thiệp, xử lý cho phù hợp, đảm bảo lợi ích của người nông dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn việc thành lập mới các hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 để hợp tác xã là cầu nối quan trọng trong chuỗi liên kết sản xuất, hợp tác xã kết nối và đại diện cho các thành viên ký kết hợp đồng với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa; hỗ trợ xây dựng các dự án nhằm hình thành hợp tác xã ở các địa bàn miền núi để tổng kết, nhân rộng. Chú trọng xây

dựng các dự án phát triển sản xuất trong các lĩnh vực: Trồng trọt, dược liệu, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề nông thôn...

(Kèm theo Phụ lục V định hướng một số dự án ưu tiên triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 trong các Chương trình mục tiêu quốc gia).

7. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện giám sát và đánh giá dự án được thực hiện một cách dân chủ, công khai, minh bạch nhằm phát huy mạnh mẽ tính chủ động sáng tạo của người dân và cộng đồng. Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ phát triển sản xuất để giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng, gắn kết thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý các hoạt động của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

8. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác hướng dẫn lập dự án đề nghị hỗ trợ; tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng thương thảo, ký kết các hợp đồng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng liên kết; kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc, phát sinh. Thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh những bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách; chú trọng công tác sơ kết, tổng kết đánh giá các dự án; chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính để giúp doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tiếp cận với cơ chế, chính sách tại Quyết định này để thực hiện việc tổ chức sản xuất.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh theo dõi, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định.

b) Xây dựng kế hoạch và phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các hợp phần phát triển sản xuất của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại (giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi) để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này; hỗ trợ kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện liên kết chuỗi giá trị; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và đề xuất hướng xử lý nếu chủ trì liên kết hoặc đối tượng liên kết vi phạm hợp đồng.

c) Hướng dẫn các địa phương áp dụng các quy trình kỹ thuật, các định mức kinh tế - kỹ thuật để thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất được hiệu quả. Thường xuyên cập nhật các định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành để hướng dẫn các địa phương thực hiện cho phù hợp, nhất là các định mức kinh tế - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nano.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, tập huấn, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được giao quản lý; tổng hợp chung các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến thống nhất để giải quyết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Tài chính thẩm định) phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được giao quản lý; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý; tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Tài chính thẩm định) phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi được giao quản lý; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý; tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh hằng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ tại Quyết định này, trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ban Dân tộc tỉnh.

b) Hướng dẫn các Sở, ngành và địa phương thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được giao theo đúng quy định hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh tham mưu UBND tỉnh cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại Công văn số 6549/UBND-KTTH ngày 06/10/2022.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, các chủ trì liên kết xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo quy định; lồng ghép hỗ trợ nguồn vốn từ các nội dung khoa học công nghệ để thực hiện các nội dung hỗ trợ liên quan.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể liên quan triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng để tích cực triển khai thực hiện Quyết định này.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại cùng thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi trong nông nghiệp, nông thôn, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tiếp cận các nguồn vốn phục vụ phát triển sản xuất.

- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Nam đẩy mạnh việc thực hiện cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 để thực hiện cơ chế tại Quyết định này.

8. Các Sở, ngành liên quan: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Đối với các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được giao chủ đầu tư thực hiện các dự án, tiểu dự án trong các chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định; khi kết thúc dự án tổ chức Hội đồng đánh giá hiệu quả dự án, nghiệm thu kết quả dự án. Đồng thời, chỉ đạo tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể các cấp phối hợp truyền thông, thông tin tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện tốt các nội dung quy định tại Quyết định này.

10. UBND cấp huyện, thị xã, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung và định mức hỗ trợ tại Quyết định này để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện; chỉ đạo UBND các xã xây dựng Đề án phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp để có cơ sở lập các dự án ưu tiên thực hiện, trong đó cần ưu tiên chỉ đạo thực hiện hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có tính lan tỏa, có nhiều hộ dân tham gia, hướng đến các vùng sản xuất tập trung gắn với cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc; đối với dự án cộng đồng ưu tiên thực hiện các dự án có nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, dự án do phụ nữ đề xuất tham gia.

b) Xây dựng, ban hành danh mục dự án phát triển sản xuất giai đoạn 2022-2025 ở cấp mình để làm cơ sở ưu tiên hỗ trợ hằng năm; phân công đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn thực hiện các dự án; thực hiện nghiệm thu, quản lý chặt chẽ nguồn kinh phí hỗ trợ và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện nội dung hỗ trợ theo Quyết định này.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã/chủ đầu tư lập, trình phê duyệt kế hoạch hỗ trợ hằng năm cho các dự án theo đúng quy định; tổng hợp kế hoạch của các xã trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chung của cấp huyện; xây dựng kế hoạch để tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp huyện để thông qua dự án hỗ trợ kịp thời, đảm bảo quy trình, thời gian quy định, trong đó chú trọng chỉ đạo cơ quan chức năng ở huyện tham khảo theo giá thị trường các nội dung hỗ trợ có liên quan trên địa bàn tại cùng thời điểm trước khi họp Hội đồng thẩm định cấp huyện để quyết định trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án, dự toán cho từng nội dung hỗ trợ chi tiết; tùy điều kiện năng lực của từng xã có thể ủy quyền Chủ tịch UBND xã phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng trên cơ sở ý kiến của Tổ thẩm định; tổ chức triển khai, nghiệm thu, đánh giá kết quả đảm bảo theo đúng quy trình quy định. Tăng cường kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn.

d) Chỉ đạo Phòng Ban liên quan (nếu Phòng, Ban làm chủ đầu tư), UBND cấp xã thực hiện việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra phê duyệt quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đối với nguồn vốn được giao theo quy định. Hằng năm, bố trí thêm kinh phí sự nghiệp kinh tế của ngân sách địa phương (*ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ*) để đối ứng theo quy định và thực hiện các dự án theo nhu cầu địa phương (*ưu tiên sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế của cấp huyện để hỗ trợ các dự án theo Quyết định này*); bố trí thêm ngân sách cấp huyện thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá dự án.

đ) Chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện theo đúng trình tự thủ tục, mẫu hồ sơ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định tại Quyết định này và khoản 3, Điều 8 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP về trình tự lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng.

e) Chỉ đạo các Phòng, ban liên quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện các dự án do UBND cấp huyện phê duyệt. Định kỳ 6 tháng, 01 năm Phòng, ban liên

quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện tiến hành kiểm tra định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện các dự án theo cấp quản lý. Kết thúc dự án, UBND cấp huyện thành lập hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án (đối với dự án do UBND cấp huyện phê duyệt). Đồng thời, chỉ đạo tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các nội dung hỗ trợ: (i) Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (VietGap, GlobalGAP, GMP, ISO, HACCP) quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết 07) (ii) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các sản phẩm từ kinh tế vườn, kinh tế trang trại quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết 35): Được áp dụng theo nội dung và mức hỗ trợ có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND theo cơ chế chi từ các nguồn vốn quy định tại Nghị quyết 07, Nghị quyết 35.

b) Đối với các nội dung hỗ trợ: (i) Đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND; (ii) Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nông sản từ vườn, trang trại quy định tại điểm f khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND; (iii) Hỗ trợ xác lập, phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm trong dự án/kế hoạch liên kết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh: Được áp dụng theo nội dung và mức hỗ trợ có liên quan quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND theo cơ chế chi từ các nguồn vốn quy định tại Nghị quyết 07, Nghị quyết 35, Nghị quyết 17.

3. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư của các Bộ, ngành là chủ chương trình, chủ dự án thành phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 9. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng: Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh, Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế

- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh, Chương trình giảm nghèo tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Các Bộ: NN và PTNT, LĐ-TB&XH, TC;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT TU, HĐND, UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Chi cục PTNT;
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2022\Quyết định\11 16 trien khai nghi quyet 24 của HDND tinh.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Tuấn